

Số: 22 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 619/GXN-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2019 do UBND huyện Cẩm Giàng cấp cho dự án “Cơ sở gia công nguyên liệu giấy da, giấy vải” Công ty TNHH Liên Thành VN;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Liên Thành VN ngày 19 tháng 11 năm 2024 và Văn bản số 3012/MT-LTVN ngày 30/12/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Công ty TNHH Liên Thành VN” và hồ sơ kèm theo và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 388/TTr-STNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Liên Thành VN, địa chỉ tại Thôn Lương Xá, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Công ty TNHH Liên Thành VN” tại Thôn Lương Xá, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH Liên Thành VN.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Lương Xá, Xã Lương Điền, Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Công ty TNHH Liên Thành VN được phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0801143874, cấp đăng ký lần đầu ngày 13/08/2015.

1.4. Mã số thuế: 0801143874.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Gia công nguyên liệu ngành giày.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 1.500 m<sup>2</sup>.

- Công suất: Gia công nguyên liệu giày 100.000 m<sup>2</sup> /năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Liên Thành VN

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Liên Thành VN có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải

dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Cẩm Giàng.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày ký đến ngày 15/12/2029.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH Liên Thành VN;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (để báo cáo);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công thông tin điện tử của UBND huyện;
- UBND xã Lương Điền;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Công**

**Phụ lục 1**  
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22 /GPMT-UBND*  
*ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân của Công ty TNHH Liên Thành VN

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu văn phòng của Công ty Cổ phần Liên Hoà.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

- Dòng số 01: Nước thải sau xử lý bởi hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất 10m<sup>3</sup>/ngày

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Mương thoát nước chung của khu vực tại xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng, Hải Dương.

2.2. Tọa độ vị trí xả nước thải (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>*):

$$X (m)= 2317699; Y(m)= 569001$$

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m<sup>3</sup>/ngày.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý được bơm ra tại vị trí xả.

2.3.2. Chế độ xả thải: Gián đoạn - theo ca làm việc.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT cột A với K<sub>p</sub>= 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A		Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc định kỳ
			C	C <sub>max</sub> (K=1,2)		
1	pH	-	5 – 9	5 – 9	Không	Không

2	BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C)	mg/l	30	36	<b>thuộc đối tượng</b>	<b>thuộc đối tượng</b>
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	60		
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	500	600		
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,0	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	6		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	6		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000	3.000		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực văn phòng của Công ty Cổ phần Liên Hòa cùng nước thải phát sinh từ quá trình hoạt của các cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH Liên Thành VN được thu gom bằng đường ống PVC về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m<sup>3</sup>/ ngày để xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT mức A với Kp= 1,2 được bơm ra nguồn tiếp nhận nước thải thông qua ống HDPE D32.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại → Hồ thu gom → Thiết bị hợp khối (Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng sinh học → Ngăn trung gian) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 10m<sup>3</sup>/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorua và mật ri (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng để phát hiện và xử lý các lỗi kỹ thuật có thể mắc phải trong suốt quá trình vận hành. Có những bộ phận, thiết bị dự trữ trong kho để thay thế khi cần thiết.

+ Niêm yết sơ đồ quy trình xử lý nước thải tại khu xử lý; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải; vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, giữ nguyên nước thải tại các bể, không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường. Khi gặp sự cố vượt quá khả năng lưu chứa của bể, Công ty dừng hoạt động sản xuất để thực hiện các biện pháp khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải hoạt động bình thường mới sản xuất trở lại.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: tối đa 6 tháng

2.2. Công trình, thiết bị nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10m<sup>3</sup>/ ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Số điểm
1	Nước thải trước khi vào hệ thống	01
2	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải	01

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất và hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải: Không lấy mẫu để phân tích.

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải:

- Mẫu nước thải trước xử lý tại 01 vị trí trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn):

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn)

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.3. Công ty TNHH Liên Thành chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra ngoài môi trường.

3.4. Công ty có trách nhiệm vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải nêu trên, cụ thể như sau:

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải cho UBND huyện Cẩm Giàng trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý nước thải.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5,6,7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc và hiệu quả xử lý nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn trước 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22/GPMT-UBND*  
*ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** 01 nguồn phát sinh khí thải.

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ khu vực dán keo.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:** 01 dòng khí thải.

- Dòng số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải khu vực dán keo, lưu lượng 8.300 m<sup>3</sup>/giờ.

2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105<sup>o</sup>30', múi chiếu 3<sup>o</sup>*):

$$X (m)= 2317610; Y(m)= 569012$$

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.300 m<sup>3</sup>/ giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn - theo ca làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Thông số	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Axetaldehyt	270	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Khí thải phát sinh từ khu vực rửa khuôn:

+ Khí thải được thu gom bằng hệ thống chụp hút, đường ống dẫn khí đưa về hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường.



## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải từ khu vực dán keo → chụp hút → đường ống dẫn khí → Quạt hút → thiết bị hấp thụ bằng than hoạt tính → Ống thoát khí ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.300 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

## 1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, vận hành của hệ thống xử lý khí thải.

- Trang bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hỏng hóc.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải không thể khắc phục được trong thời gian ngắn phải dừng hoạt động sản xuất công đoạn tương ứng để không phát sinh khí thải, sau khi khắc phục xong sự cố, bảo đảm hệ thống xử lý khí thải vận hành ổn định (mẫu khí thải sau xử lý đạt yêu cầu) mới hoạt động sản xuất trở lại.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 6 tháng

2.2. Công trình, thiết bị nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải công suất 8.300 m<sup>3</sup>/ giờ.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Số điểm
1	Khí thải sau hệ thống xử lý	01

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp tại Phần A phụ lục này.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải của dự án.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, 6, 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phần A phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3**  
**ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22 /GPMT-UBND*  
*ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)*

**A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** 01 nguồn phát sinh.

- Nguồn số 01: từ hoạt động của các máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>30', múi chiều 3<sup>0</sup>.

TT	Nguồn	Vị trí	X(m)	Y(m)
1	Nguồn số 01	Khu vực sản xuất	2317614	569045

**3. Tiếng ồn, độ rung**

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn**

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý;
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong

tình trạng hoạt động tốt;

- Quy định tốc độ đối với các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở, tốc độ từ 5-10 km/h và tuân theo sự điều phối của bảo vệ;

- Bố trí thời gian nhập nguyên liệu hợp lý, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động;

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động phải tiếp xúc với nguồn ồn cao;

- Đối với người lao động tại khu vực có độ ồn cao phải được trang bị các thiết bị giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp mắc phải;

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn;

- Sử dụng các loại máy móc hiện đại ít gây ra tiếng ồn lớn; Lắp đặt hệ thống giảm thanh cho các máy móc, thiết bị gây tiếng ồn;

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên Cơ sở.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22 /GPMT-UBND*  
*ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Số lượng (kg/năm)</b>	<b>Ký hiệu</b>
1	Keo thải	Lỏng	08 03 01	28	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	8	NH
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	Rắn	16 01 13	38	NH
4	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	80	NH
5	Chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	51	KS
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	27	KS
7	Bao bì cứng thải bằng kim loại (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	145	KS
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	120	KS
	<b>Tổng số lượng</b>			<b>497</b>	

## 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng Kg/ năm
1	Giấy và bao bì các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	600
2	Bao bì nhựa thải	Rắn	18 01 06	100
3	Mút xốp, mút EVA	Rắn	-	650
4	Vải vụn	Rắn	-	250
5	Sản phẩm hỏng, lõi	Rắn	-	260
6	Hộp mực in thải (Văn phòng)	Rắn	08 02 08	8
<b>Tổng</b>				<b>1868</b>

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 1,4 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

#### *2.1.1. Thiết bị lưu chứa*

Thùng chứa, bao bì chứa được dán tên và mã chất thải nguy hại.

#### *2.1.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích kho chứa: 01 Kho chứa chất thải diện tích 35m<sup>2</sup> trong kho chứa chất thải có tổng diện tích 70m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Mái lợp tôn, nền bê tông xi măng đánh bóng thủ công, bên ngoài kho ghi biển báo xung quanh, mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH kín, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, hạn chế gió trực tiếp vào bên trong, có thiết bị bình cứu hỏa, nội quy, tiêu lệnh PCCC, theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy), có vật liệu hấp thụ như cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

#### *2.2.1. Thiết bị lưu giữ:* Thùng chứa, bao bì chứa.

#### *2.2.2. Kho lưu chứa*

- Diện tích kho chứa: 01 Kho chứa chất thải có diện tích 35m<sup>2</sup> trong kho chứa chất thải có tổng diện tích 70m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Mái lợp tôn, nền bê tông xi măng, bên ngoài kho ghi biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- *Thiết bị lưu giữ*: Thùng chứa, bao bì chứa.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

**2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22/GPMT-UBND  
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

6. Chịu trách nhiệm xử lý nước thải, khí thải đạt tiêu chuẩn tiếp nhận .

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.